

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày: 06 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Kiều.

Bà Dương Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2021/TLST- HS ngày 02 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021 đối với:

* Bị cáo: Trần Văn Q - Sinh năm 1992 tại tỉnh Nam Định;

Nơi cư trú: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; con ông Trần Văn B, sinh năm 1964 và Đỗ Thị T, sinh năm 1965, cả hai đều làm ruộng tại xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; có vợ là Trần Thị Ph, sinh năm 1995, hiện đang ở xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; bị cáo có 01 con sinh năm 2018.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo Trần Văn Q đầu thú, tạm giữ từ ngày 30/10/2021 đến ngày 05/11/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Ngọc – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nam Định; có mặt.

* Bị hại: Chị Đinh Thị Ng, sinh năm: 1990; địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Đinh Thị Ó – Sinh năm: 1988; địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn B, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; có mặt.

* Người làm chứng: Anh Phạm Văn B1, sinh năm 1975; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 19/10/2021, Trần Văn Q đến nhà chị Đinh Thị Ng là hàng xóm của Q chơi. Tại nhà chị Ng, Q hỏi chị Ng “Chị cho em mượn xe máy một lúc để em sang Nghĩa Lâm rồi em trả”. Chị Ng đồng ý cho Q mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, sơn màu đỏ đen, biển số 18L1 - 216.21. Sau khi mượn được xe, Q điều khiển xe mô tô đến nhà một số người bạn ở Nghĩa Lâm nhưng không gặp được ai, Q tiếp tục đi đến nhà anh Phạm Văn Đ ở xóm 5, xã N, huyện N để vay tiền nhưng không vay được. Lúc này, Q nảy sinh ý định mang xe mô tô mượn của chị Ng để đi cầm cố, lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 20 giờ ngày 19/10/2021, Q điều khiển xe mô tô đến cửa hàng Tuấn B ở đội 7, xã N, huyện N cầm cố xe cho anh Phạm Văn B1 là chủ cửa hàng lấy 5.000.000đồng. Sau đó, Q đi xe ôm đến nhà nghỉ Hồng Phúc ở đội 16, xã N, huyện N do anh Đàm Văn Q là chủ, thuê phòng nghỉ, mục đích để trốn chị Ng. Số tiền 5.000.000 đồng cầm cố xe, Q đã chi tiêu cá nhân, còn lại 161.000đồng. Sáng ngày 30/10/2021, Q đã đến Công an xã N đầu thú và tự giác giao nộp số tiền 161.000 đồng. Công an huyện N đã thu giữ trong cặp quần bên phải Q đang mặc 01 gói nhỏ, vỏ là túi ni lông màu trắng, bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (Niêm phong ký hiệu M), Q khai nhận đó là ma túy đá mua của 01 người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 300.000 đồng tại khu vực cầu Th thuộc huyện H về để sử dụng. Ngày 30/10/2021, Cơ quan điều tra Công an huyện N thu giữ của ông Trần Văn B là bố đẻ của Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, sơn màu đỏ đen, biển số 18L1 - 216.21, đã qua sử dụng là xe Q mượn của chị Ng cầm cố tại Cửa hàng Tuấn B, ông B đã lấy xe và trả tiền cho anh Phạm Văn B1 là chủ Cửa hàng. (Bút lục số: 8, 10-11, 12, 13-14, 18-19, 64-78, 79-93).

Tại bản kết luận giám định số 1402/GĐKTHS ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định, kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 gói nhỏ vỏ ni lông màu trắng trong phong bì thư được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng mẫu M: 0,017 gam. (Bút lục số: 27).

Tại kết luận số 18/HĐ-ĐGTS ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N, kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda

Wave RSX, sơn màu đỏ đen, biển số 18L1 - 216.21, đã qua sử dụng có trị giá 8.436.000 đồng. (*Bút lục số: 22*).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Trần Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 84/CT-VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a, b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B có quan điểm không yêu cầu bị cáo phải trả số tiền ông đã bỏ ra để chuộc lại chiếc xe.

Bị hại chị Đinh Thị Ng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Ó vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có lời khai: Đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 161.000 đồng; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q trình bày: Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N. Bị cáo Trần Văn Q đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bào chữa, người bị hại, người liên quan, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người người bị hại và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ ngày 19/10/2021, tại nhà chị Đinh Thị Ng, Trần Văn Q đã hỏi mượn chị Ng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, sơn màu đỏ đen, biển số 18L1 - 216.21, trị giá 8.436.000 để đi gặp bạn ở xã Nghĩa Lâm hỏi vay tiền nhưng không được, Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô mượn của chị Ng, mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân và bỏ trốn. Như vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, gây nên dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn điều tra, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave RSX, sơn màu đỏ đen, biển số 18L1 - 216.21, đã qua sử dụng, qua điều tra xác định là xe chị Đinh Thị Ng mượn của chị Đinh Thị Ó nên Cơ quan điều tra Công an huyện N đã trả cho chị Ó là chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với số tiền 161.000 đồng thu giữ của Trần Văn Q. Trong quá trình điều tra ông Trần Văn B là bố đẻ Q đã trả 5.000.000 đồng cho anh Phạm Văn B1 là chủ cửa hàng cầm đồ. Nay ông Trần Văn B không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên cho ông B, do đó xét trả lại số tiền 161.000 đồng cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với số Methamphetamine trong phong bì thư niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định (ký hiệu M có số kết luận giám định 1402 ngày 01/11/2021) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định. Công an huyện N đã tiêu hủy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ-XPHC ngày 04 tháng 11 năm 2021 là phù hợp.

[7] Đối với hành vi tàng trữ trái phép 0,017 gam Methamphetamine của Trần Văn Q, xét thấy không đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính đối với Q là phù hợp.

- Đối với Phạm Văn B1 là người cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, sơn màu đỏ đen, biển số 18L1- 216.21 nhưng anh B1 không biết đó là xe do Q phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện N không xử lý đối với Phạm Văn B1 là phù hợp.

- Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Trần Văn Q tại khu vực cầu Th thuộc huyện H, hiện chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 106, Điều 135, Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2021.

3. Về vật chứng:

- Hoàn trả cho Trần Văn Q số tiền 161.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, ngày 20/12/2021.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B; vắng mặt chị Ng và chị Ó. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương